

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc Hà Giang,
Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Hiệp định số 3633-VIE (COL) ký ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á;

Căn cứ Quyết định số 1551/QĐ-CTN ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc sửa đổi Hiệp định tài trợ Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, vay vốn ADB;

Căn cứ Quyết định số 1205/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu Dự án tỉnh Lạng Sơn, vay vốn của ADB;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án “Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn” - Tiểu Dự án tỉnh Lạng Sơn, vay vốn của ADB;

Căn cứ Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng

Sơn - Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn;

Xét Báo cáo thẩm định số 65/BC-SKHĐT ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - “Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn” và đề nghị của Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lạng Sơn tại Tờ trình số 252/TTr-BQLDA ngày 03 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn như sau:

1. Điều chỉnh giảm quy mô Hợp phần 2,3,4:

a) Hợp phần 2 - Hạ tầng Cấp nước sinh hoạt: điều chỉnh không thực hiện công trình xây dựng hệ thống cấp nước Mẫu Sơn, tại xã Mẫu Sơn với quy mô công suất 2.500m³/ngày đêm.

b) Hợp phần 3 - Cơ sở hạ tầng cho chuỗi giá trị nông nghiệp: điều chỉnh giảm không thực hiện nội dung Xây dựng cơ sở hạ tầng cho vùng rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP; Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng cho phát triển vùng trồng và chế biến dược liệu.

(Nội dung cụ thể sau điều chỉnh của hợp phần tại phụ lục I kèm theo Quyết định này).

c) Hợp phần 4 - Nâng cao năng lực quản lý tài sản công: điều chỉnh không thực hiện toàn bộ Hợp phần.

2. Điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án

Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 45.106.703 USD (tương đương 1.012.194.419.767 đồng), trong đó:

STT	Hạng mục công việc	Giá trị (USD)	Giá trị (VNĐ)		
			Tổng	Vốn ADB	Đối ứng
A	Chi phí cơ bản	41.154.559	923.508.313.269	649.135.552.503	274.372.760.766
1	Chi phí xây lắp	30.976.921	695.122.097.812	627.357.760.747	67.764.337.065
1.1	Hợp phần 1: Hệ thống đường giao thông liên kết vùng	20.585.070	461.928.976.541	415.736.078.887	46.192.897.654
1.2	Hợp phần 2: Cấp nước sinh hoạt và sản xuất	1.823.847	40.927.122.482	36.834.410.234	4.092.712.248
1.3	Hợp phần 3: Cơ sở hạ tầng phát cho chuỗi Giá trị nông nghiệp	8.568.004	192.265.998.789	174.787.271.626	17.478.727.163

STT	Hạng mục công việc	Giá trị (USD)	Giá trị (VNĐ)		
			Tổng	Vốn ADB	Đối ứng
1.4	Hợp phần 4: Nâng cao năng lực quản lý tài sản công	-	-	-	-
2	Giải phóng mặt bằng	6.400.912	143.636.460.013	-	143.636.460.013
3	Dịch vụ Tư vấn dự án	3.776.727	84.749.755.444	21.777.791.756	62.971.963.688
B	Quản lý dự án	660.577	14.823.346.894	-	14.823.346.894
C	Dự phòng phí	1.885.560	42.311.967.609	37.311.967.609	5.000.000.000
D	Chi phí tài chính trong quá trình thực hiện (Lãi vay hóa gốc)	1.406.007	31.550.791.995	31.550.791.995	-
Tổng cộng		45.106.703	1.012.194.419.767	717.998.312.107	294.196.107.660

(Bảng chi tiết tổng mức đầu tư dự án tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

3. Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư

a) Vốn vay ưu đãi từ ADB (ADF/COL): 31.996.360 USD (tương đương 717.998.312.107 đồng).

b) Vốn đối ứng: 13.110.343 USD (tương đương 294.196.107.660 đồng).

4. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của UBND tỉnh và Quyết định 642/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lạng Sơn tổ chức triển khai các bước tiếp theo theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực VI, Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn và Chủ tịch UBND các huyện: Bắc Sơn, Bình Gia, Văn Quan, Đình Lập, Lộc Bình, Cao Lộc, Tràng Định, Chi Lăng và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh, các phòng: KT, TH Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN_(HĐN).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lương Trọng Quỳnh